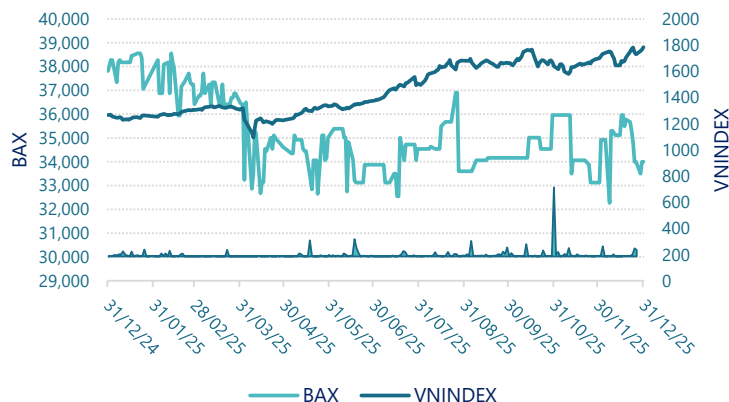


CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,557
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,272
SL cổ phiếu LH	8,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	485
% sở hữu nước ngoài	16.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	279
P/E	7.8
EPS	4,369

DT thuần

Q4/25

26.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 12.4%

YoY: ▲ 9.00 | 50.1%

LN sau thuế

Q4/25

10.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.56 | 49.5%

YoY: ▲ 4.47 | 71.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

41.1%

+/- YoY: ▼ 5.2%

DT thuần

2025

110

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0 | 51.0%

LN sau thuế

2025

35.8

tỷ VNĐ

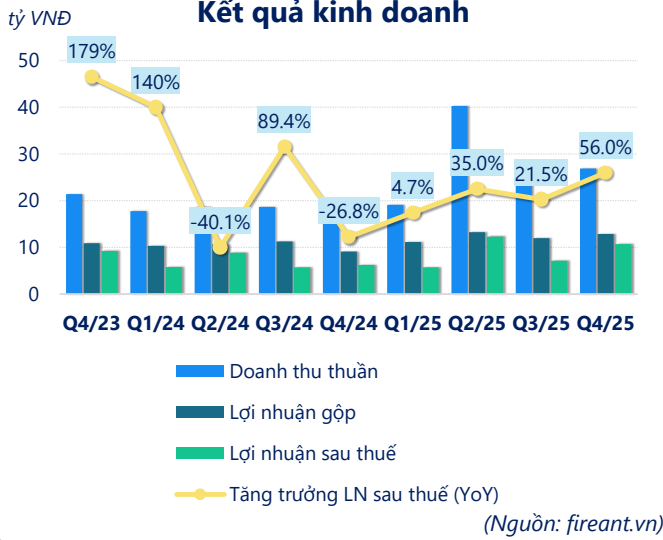
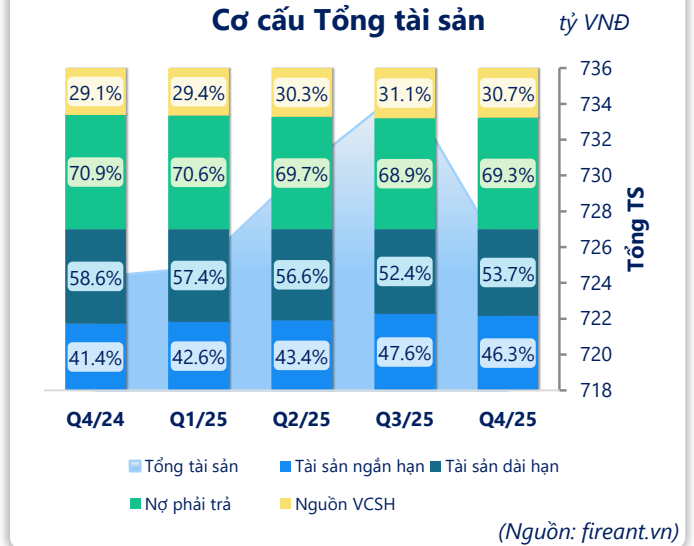
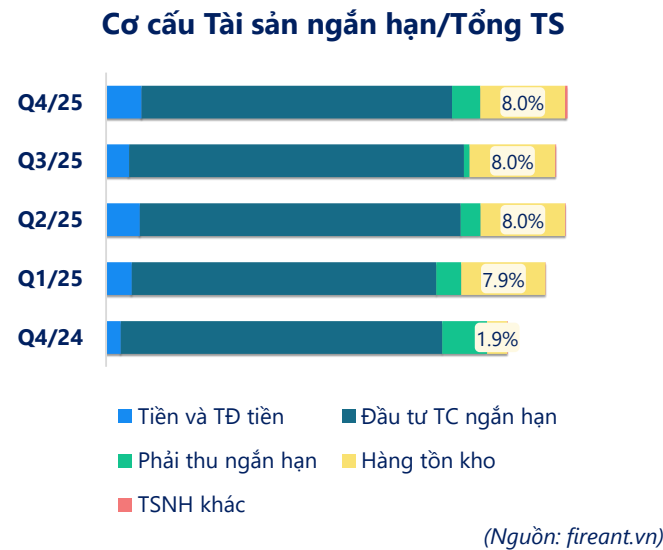
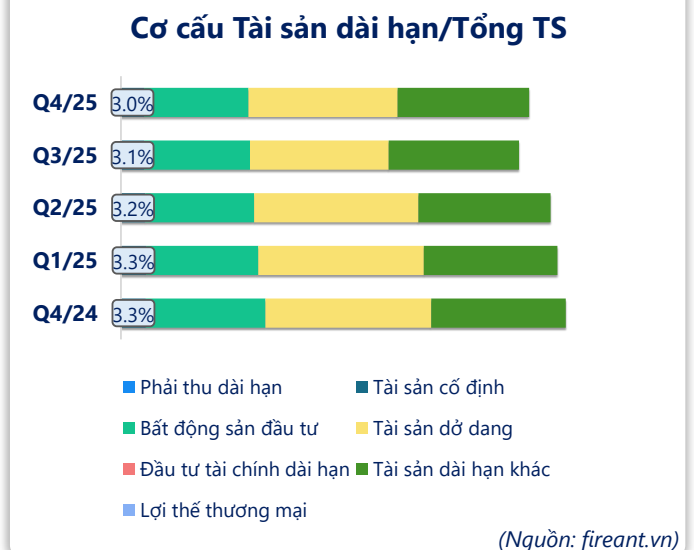
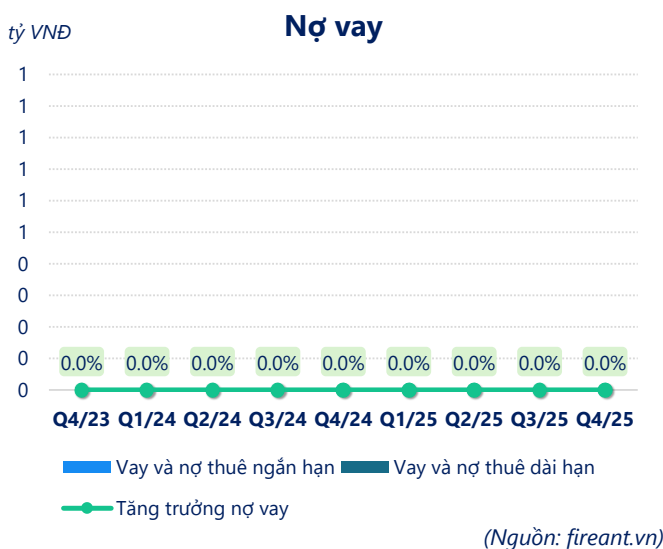
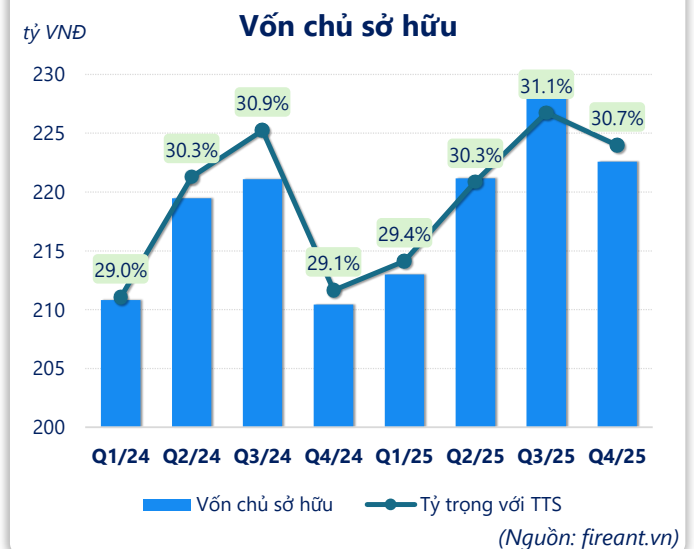
YoY: ▲ 9.20 | 34.8%

ROE

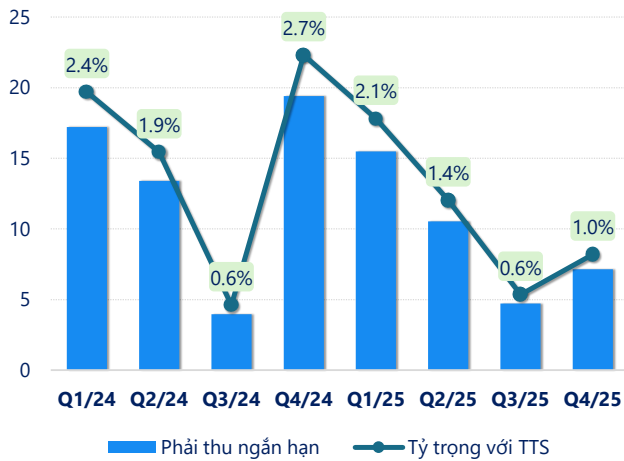
2025

16.5%

+/- YoY: ▲ 3.9%

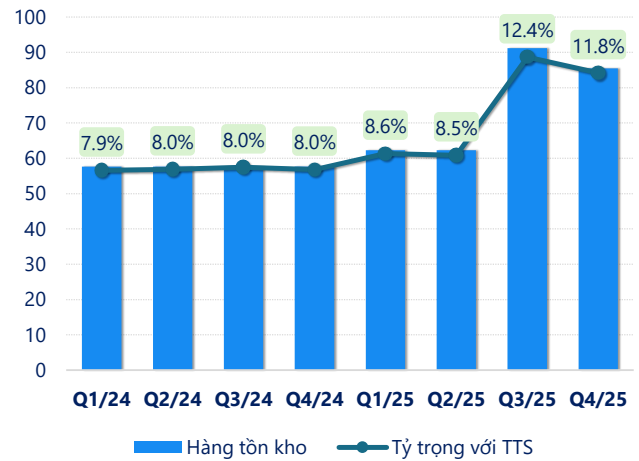


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


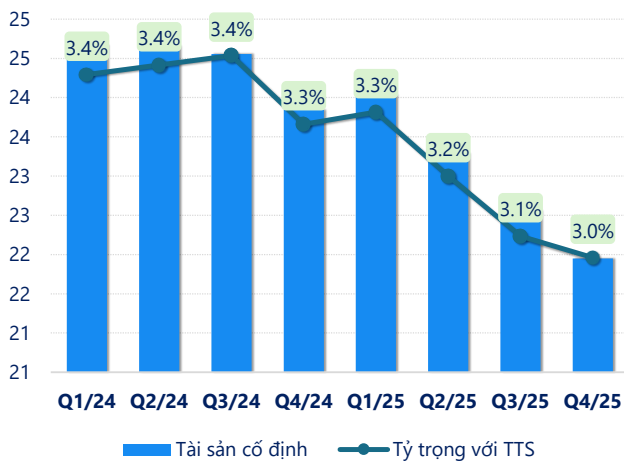
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


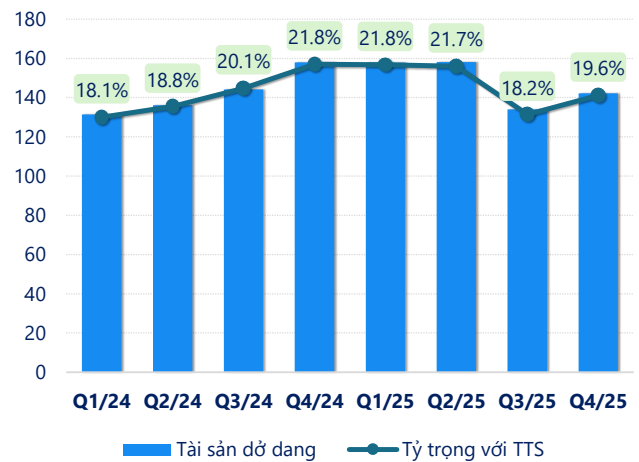
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

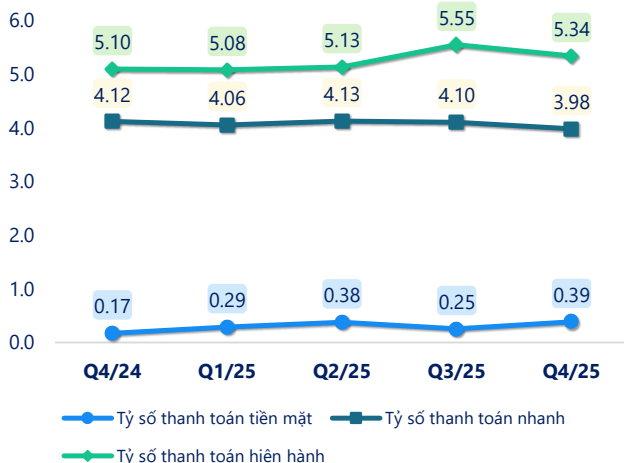
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

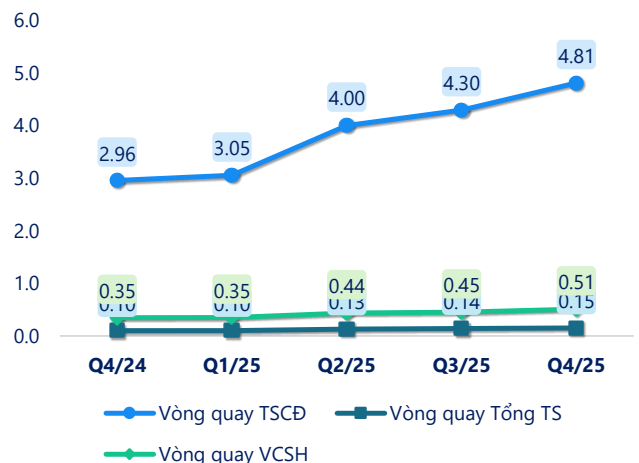
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	724	725	730	735	725
Tài sản ngắn hạn	300	308	317	350	336
Tiền và tương đương tiền	10.1	17.5	23.2	16.0	24.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	213	221	238	218
Phải thu ngắn hạn	19.4	15.5	10.5	4.71	7.13
Hàng tồn kho	57.6	62.2	62.2	91.2	85.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.67	0.02	0	0.38	0.41
Tài sản dài hạn	424	416	413	385	390
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	23.8	24.0	23.3	22.6	22.0
Bất động sản đầu tư	114	107	105	102	99.9
Tài sản dở dang	158	158	158	134	142
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	128	128	127	126	126
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	514	512	509	507	503
Nợ ngắn hạn	58.9	60.7	61.8	63.1	62.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	7.08	2.85	2.82	4.07	4.16
Nợ dài hạn	455	451	447	444	440
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	210	213	221	228	223
Vốn chủ sở hữu	210	213	221	228	223
Vốn điều lệ	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)